

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG  
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Sỹ Quyền

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15 ngày 28/8/2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T - SN 1990

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Hoàng H - SN 1985

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt chị T, anh H (chị T có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:**

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Hoàng H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 22/3/2017.

Sau khi kết hôn, anh, chị chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không tin tưởng chị, thường xuyên nghi ngờ chị có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác. Chị đã giải thích nhiều lần anh H không nghe còn chửi bới đánh đập chị. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ cuối năm 2019 chị và anh H đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- *Về con cái:* Chị và anh H có 01 con chung tên là Nguyễn Đăng K -Sinh ngày 25/10/2017. Hiện nay cháu K đang ở với chị. Nếu được ly hôn chị xin nuôi

con, yêu cầu anh H đóng góp tiền nuôi con chung với chị mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Hoàng H trình bày:***

- *Về hôn nhân*: Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ, chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Cuối năm 2019 anh và chị T đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án, anh không đồng ý vì anh vẫn còn thương vợ, thương con.

- *Về con cái*: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Đăng K - Sinh ngày 25/10/2017. Hiện nay cháu đang ở với mẹ. Nếu phải ly hôn anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con, anh tự nguyện đóng góp tiền nuôi con chung với chị T mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

***Thu thập chứng cứ tại địa phương***: Chị T và anh H kết hôn với nhau năm 2017 tại UBND xã Q. Sau khi kết hôn, anh, chị chung sống hạnh phúc tại thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Cuối năm 2019 chị T, anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân như thế nào địa phương không nắm rõ vì anh, chị không báo cáo chính quyền địa phương. Anh, chị đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh H tại Tòa án, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng trình tự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành không đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Về nội dung***: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T: Về hôn nhân, chị T được ly hôn anh H. Về con cái, chấp nhận việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa anh H và chị T như sau: Chị T trực tiếp nuôi cháu K, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với chị T mỗi tháng 2.000.000đ. Về tài sản và công nợ: anh H, chị T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị không xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về tố tụng*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hoàng H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hôn nhân*: Chị T và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 22/3/2017 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T, là do anh H không tin tưởng chị, thường xuyên nghi ngờ chị có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác. Chị giải thích nhiều lần anh H không nghe còn chửi bới đánh đập chị. Cuối năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Anh H thừa nhận, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Cuối năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Mặc dù như vậy anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án, anh không đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho anh, chị hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng chị T vẫn cương quyết xin ly hôn anh H; Anh H không đồng ý ly hôn chị T vì anh đang còn thương vợ, thương con. Tuy nhiên, anh không có biện pháp gì để cải thiện được tình cảm giữa vợ chồng.

Xét thấy, tình cảm giữa vợ chồng anh H, chị T là trầm trọng, anh, chị đã không chung sống với nhau một thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Do đó HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

[3] *Về con cái*: Anh, chị có 01 con chung tên là Nguyễn Đăng K - Sinh ngày 25/10/2017. Hiện nay cháu K đang ở với chị T. Nếu phải ly hôn anh H, chị T thống nhất chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, anh H tự nguyện đóng góp tiền nuôi con chung với chị T mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa anh H và chị T là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] *Về tài sản và công nợ*: Chị T, anh H thống nhất không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, anh H phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 của BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

### **Xử:**

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hoàng H.
2. *Về con chung*: Chị T, anh H có 01 con chung là Nguyễn Đăng K - Sinh ngày 25/10/2017.

Chấp nhận sự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa anh H và chị T như sau:

Chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Anh H tự nguyện đóng góp tiền nuôi con chung với chị T mỗi tháng 2.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2020 đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Anh H, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã là 300.000đ theo biên lai thu số 2084 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh H phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T, anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhân:**

- VKSND H.Quảng Xương;
- UBND xã Q, Huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Lý**